

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – VĨNH LONG**

Bản án số: 04/2025/HS-ST

Ngày: 30-7-2025

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Minh Thor

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thành Đông

Ông Phạm Thành Đồng

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Thu Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Vĩnh Long tham gia phiên toà: Ông Phạm Trọng Vịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Vĩnh Long xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 02/2025/TLST-HS ngày 09 tháng 7 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 02/2025/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 7 năm 2025 đối với bị cáo:

Phạm Trọng D, sinh ngày 07/4/1984 tại Thành phố Hà Nội; Tên gọi khác: không; Nơi đăng ký thường trú: Đội V, Thôn K, xã M, Thành phố H (trước khi sáp nhập là Đội V, Thôn K, xã H, huyện M, Thành phố H); Chỗ ở hiện nay: ấp C, xã L, tỉnh V (trước khi sáp nhập là ấp C, xã M, huyện G, tỉnh B); Nghề nghiệp: buôn bán tự do; Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Công giáo; Con ông Phạm Văn M, sinh năm 1940 (chết) và bà Hoàng Thị L, sinh năm 1955 (chết); Bị cáo là con lớn nhất trong gia đình có ba anh em; Vợ: Phạm Thị X, sinh năm 1983; Con: 02 người, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 08/4/2025 cho đến nay (có mặt).

- Bị hại: Bà Trần Thị Tuyết M, sinh 1962 (chết);

Nơi cư trú: khu phố O, thị trấn G, huyện G, tỉnh B. (nay là ấp O, xã G, tỉnh L).

- Người đại diện hợp pháp của bị hại:

Ông Trần Ngọc T, sinh năm 1967;

Chị Trần Thị Ngọc P, sinh năm 1987 (vắng mặt);

Anh Trần Ngọc T1, sinh năm 1999;

Cùng nơi cư trú: ấp O, xã G, tỉnh V (trước khi sáp nhập là khu phố O, thị trấn G, huyện G, tỉnh B).

(Ông T, anh T1 cùng ủy quyền cho chị P tham gia tố tụng theo Văn bản ủy quyền ngày 03/7/2025).

- Người làm chứng:

Ông Lâm Hoàng H, sinh năm 1973 (vắng mặt);

Nơi cư trú: ấp O, xã G, tỉnh V (trước khi sáp nhập là khu phố O, thị trấn G, huyện G, tỉnh B).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 20 phút ngày 13/6/2024, bị cáo Phạm Trọng D không có giấy phép lái xe hạng A1 điều khiển xe ba bánh dạng tự chế từ xe gắn máy biển số 62.895-KM (gọi tắt là xe ba bánh tự chế), lưu thông trên đường Nguyễn Thị Định theo hướng từ huyện Ba Tri đi thành phố Bến Tre. Đến khu vực thuộc địa phận khu phố O, thị trấn G, huyện G, tỉnh B (nay là ấp O, xã G, tỉnh V) đụng bà Trần Thị Tuyết M đang đi bộ từ trái sang phải và bà M đã đi bộ qua đường bên phải theo hướng lưu thông của xe ba bánh tự chế do bị cáo D điều khiển gây vụ tai nạn. Hậu quả: bà M bị chấn thương vùng đầu được người dân đưa đến bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu, tỉnh Bến Tre (nay là tỉnh Vĩnh Long) cấp cứu. Đến ngày 14/6/2024, bà M tử vong tại bệnh viện.

Kết quả khám nghiệm hiện trường ghi nhận: mặt lộ rộng 08m, được trải nhựa bằng phẳng, không bị che khuất tầm nhìn, không có biển báo hiệu giao thông đường bộ, có vạch kẻ đường dạng đứt quãng, chọn hướng khám nghiệm từ huyện Ba Tri đi thành phố Bến Tre, lấy trụ điện số 311 nằm ngoài mép đường bên phải theo hướng khám nghiệm làm điểm mốc cố định, ghi nhận: xe ba bánh tự chế, vùng máu và các dấu vết khác đều nằm trên phần đường bên phải theo hướng khám nghiệm.

Vật chứng tạm giữ qua khám nghiệm hiện trường: 01 xe ba bánh tự chế biển số 62.895-KM, tại cạnh dưới thùng xe phía trước phát hiện 01 mẫu dị vật không rõ hình (nghỉ da, cơ của người). Hiện Cơ quan điều tra chưa xác định được chủ sở hữu xe ba bánh tự chế biển số 62.895-KM và còn trong thời hạn thông báo tìm chủ sở hữu, nên Cơ quan điều tra chuyển xe tự chế nêu trên cho Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bến Tre (nay là Công an tỉnh Vĩnh Long) để giải quyết theo thẩm quyền.

Kết quả khám nghiệm phương tiện xe ba bánh tự chế biển số 62.895-KM ghi nhận: xe không có hệ thống đèn chiếu sáng, đèn chuyển hướng phía trước; đèn chuyển hướng phía sau không còn hoạt động; không có còi; không có phanh tay; thùng xe tự chế có kích thước (150 x 0,78 x 183)cm, có lắp 02 bánh xe ở hai bên phía trước thùng xe, chiều cao từ mặt đất đến cạnh trên thùng xe tự chế là 1,95m; thùng xe tự chế được lắp vào phần đầu của xe có tay cầm lái để điều khiển; mặt trước, sau và bên trái thùng xe có lắp mảnh nhựa trong suốt nhưng qua thời gian sử dụng đã bị bám bụi và ô nhòa.

Tại Kết luận giám định tử thi số 65/KLGDĐT ngày 30/9/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre (nay là Công an tỉnh Vĩnh Long), kết luận: Trần Thị Tuyết M chết do chấn thương sọ não gây xuất huyết, tụ máu nội sọ, giập và hoại tử nhu mô não.

Tại Kết luận giám định số 5028/KL-KTHS ngày 16/9/2024 của Phân viện Khoa học hình sự, Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: dung tích xi lanh của xe gắn máy biển kiểm soát 62.895-KM là 99cm³. Xe gắn máy ba bánh biển kiểm soát 62.895-KM là loại xe tự chế, không phải xe ba bánh chuyên dụng. Không đủ cơ sở xác

định tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật của hệ thống lái, phanh, đèn, còi trên xe gắn máy biển kiểm soát 62.895-KM.

Tại Kết luận giám định số 7520/KL-KTHS ngày 20/01/2025 của Phân viện Khoa học hình sự, Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

- Mẫu vật gửi giám định là mô người, phân tích được kiểu gen nữ giới hoàn chỉnh từ mẫu mô này và trùng với kiểu gen của nạn nhân Trần Thị Tuyết M.
- Hoàn lại đối tượng giám định gồm: mẫu vật giám định hết.

Quá trình điều tra, bị cáo D khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai những người làm chứng, kết quả khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm phương tiện, kết luận giám định, vật chứng thu giữ cùng các tài liệu chứng cứ do Cơ quan điều tra thu thập.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Trần Thị Ngọc P là người đại diện hợp pháp của bị hại Trần Thị Tuyết M yêu cầu bồi thường toàn bộ thiệt hại với tổng số tiền là 50.000.000 đồng, bị cáo D đồng ý và đã bồi thường xong. Gia đình bị hại đã nhận đủ 50.000.000 đồng, không có yêu cầu gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo D.

Tại Cáo trạng số 29/CT-VKSGT ngày 09 tháng 7 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Vĩnh Long truy tố bị cáo Phạm Trọng D về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” quy định tại điểm a khoản 2 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1) Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Phạm Trọng D phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

- Về trách nhiệm hình sự: áp dụng điểm a khoản 2 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1) Điều 260; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 ; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Phạt bị cáo Phạm Trọng D từ 02 (hai) đến 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 (bốn) năm đến 05 (năm) năm.

- Hình phạt bổ sung: không đề nghị áp dụng.

- Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận bị cáo đã bồi thường cho phía bị hại với số tiền 50.000.000 đồng, phía bị hại không có yêu cầu gì thêm, nên không xem xét.

- Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp: Đã xử lý xong trong giai đoạn điều tra nên không đề cập.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Trọng D khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã nêu. Bị cáo đồng ý với kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác do cơ quan điều tra thu thập; không khiếu nại gì đối với các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Bị cáo đã bồi thường cho gia đình bị hại tổng số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng.

Lời nói sau cùng: Bị cáo đã hối hận về hành vi phạm tội của mình, gửi lời xin

lỗi đến gia đình bị hại và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng án treo để lo cho gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên sơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Điều tra viên, Viện kiểm sát; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Phạm Trọng D không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị hại Trần Thị Tuyết M là chị Trần Thị Ngọc P, người làm chứng Lâm Hoàng H vắng mặt. Chị P, ông M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị cáo D, Kiểm sát viên đề nghị xét xử vắng mặt người đại diện hợp pháp của bị hại, người làm chứng. Xét thấy, trong quá trình điều tra, người đại diện hợp pháp của bị hại, người làm chứng đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng thể hiện trong hồ sơ vụ án và việc vắng mặt họ không gây trở ngại cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án là phù hợp theo quy định tại các điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về tội danh:

Tại phiên tòa, bị cáo D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác; kết luận giám định; kết quả khám nghiệm hiện trường cùng các chứng cứ khác đã được thu thập trong hồ sơ vụ án. Từ đó có đủ cơ sở xác định: Khoảng 19 giờ 20 phút ngày 13/6/2024, bị cáo D không có giấy phép lái xe hạng A1 điều khiển xe ba bánh dạng tự chế từ xe gắn máy biển số 62.895-KM có dung tích xi lanh là 99cm³, không đảm bảo an toàn kỹ thuật khi tham gia giao thông đường bộ, lưu thông trên đường Nguyễn Thị Định theo hướng từ huyện Ba Tri đi thành phố Bến Tre. Đến khu vực thuộc địa phận khu phố O, thị trấn G, huyện G, tỉnh B (nay là ấp O, xã G, tỉnh V), bị cáo thiếu chú ý quan sát phía trước, giảm tốc độ, nhường đường cho người đi bộ đã vi phạm khoản 5 Điều 4; khoản 9, khoản 23 Điều 8; khoản 4 Điều 11; khoản 1 Điều 80 Luật giao thông đường bộ sửa đổi, bổ sung năm 2018, 2019 (nay là khoản 4 Điều 3; khoản 1, khoản 13, khoản 28 Điều 9; khoản 3 Điều 12; khoản 5 Điều 33 Luật trật tự, an toàn giao thông đường bộ), đã đụng bị hại Trần Thị Tuyết M đang đi bộ qua đường gây ra vụ tai nạn dẫn đến bị hại tử vong do chấn thương sọ não gây xuất huyết, tụ máu nội sọ, giập và hoại tử nhu mô não. Do đó, hành vi của bị cáo D đã đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” với tình tiết định khung “Không có giấy phép lái xe theo quy định” theo quy định tại điểm a khoản 2 (thuộc trường hợp

quy định tại điểm a khoản 1) Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long và lời buộc tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo D là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội:

Hành vi của bị cáo D là nguy hiểm cho xã hội, không những gây mất trật tự, an toàn giao thông mà còn gây tổn hại đến tính mạng của người khác, gây mất mát đau thương cho gia đình bị hại, không gì bù đắp được. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo Đại gây ra.

[5] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân, bị cáo D chưa có tiền án, tiền sự nên xác định có nhân thân tốt.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo D không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo D đã bồi thường xong tổng thiệt hại theo yêu cầu người đại diện hợp pháp của bị hại với số tiền 50.000.000 đồng; quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại cũng có một phần lỗi; người đại diện hợp pháp của bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, xin cho bị cáo được hưởng án treo; bị cáo có 02 con nhỏ sinh năm 2015, 2017 và có ông nội tên Phạm Văn U được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Qua phân tích, xem xét nhân thân, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo D, xét thấy bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, bị hại có một phần lỗi, đại diện của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, xin cho bị cáo được hưởng án treo để có điều kiện lo cho gia đình. Đồng thời, xét thấy không cần phải bắt bị cáo D chấp hành hình phạt tù mà cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách, giao bị cáo cho chính quyền nơi cư trú phối hợp với gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách cũng đủ răn đe, giáo dục bị cáo, đồng thời thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật. Do đó, căn cứ vào Điều 65 Bộ luật hình sự, Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo; Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo cho bị cáo D được hưởng án treo.

[7] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo D.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Người đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu bị cáo

bồi thường thiệt hại với tổng số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng, ngoài ra không yêu cầu bồi thường gì thêm; bị cáo D đồng ý và đã bồi thường xong nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[9] Về xử lý vật chứng:

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra chuyển 01 xe ba bánh tự chế biển số 62.895-KM cho Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bến Tre (nay là Công an tỉnh Vĩnh Long) để giải quyết theo thẩm quyền là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[10] Về án phí: Bị cáo D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

[11] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo D về tội danh; nhân thân; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo là phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Phạm Trọng D phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

1. Về hình phạt: Căn cứ điểm a khoản 2 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1) Điều 260; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Phạt bị cáo Phạm Trọng D 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 30/7/2025.

Giao bị cáo Phạm Trọng D cho Ủy ban nhân dân xã Lương Phú, tỉnh Vĩnh Long để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo (Phạm Trọng D) cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo (Phạm Trọng D) phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó (Phạm Trọng D) phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự.

Trường hợp bị cáo Phạm Trọng D thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, bị cáo Phạm Trọng Đại không được xuất cảnh.

2. Về xử lý vật chứng:

Ghi nhận Cơ quan điều tra chuyển 01 xe ba bánh tự chế biển số 62.895-KM cho Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bến Tre (nay là Công an tỉnh Vĩnh Long) để giải quyết theo thẩm quyền.

3. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị Phạm Trọng D phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm. Đối với người đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 7 – Vĩnh Long;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Long;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 7 – Vĩnh Long;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh Vĩnh Long;
- Bị cáo; Người đại diện hợp pháp của bị hại;
- Ủy ban nhân dân xã L;
- Bộ phận thi hành án hình sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký tên và đóng dấu)

Phạm Minh Thor